

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02 tháng 6 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tập đoàn Sông Đà	35.700.000.000	51
Các cổ đông khác	34.300.000.000	49
Cộng	70.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 47/115 đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : 04.37832398
Fax : 04.37832397
Website : <http://www.someco.com.vn>
E-mail : Info@someco.com.vn
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Quảng Ninh	Xã Thống Nhất, Huyện Hoành Bồ, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan, bao gồm: Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình, Dịch vụ tư vấn thiết kế khác;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Đúc sắt thép, kim loại màu;

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Sản xuất, mua bán khí ôxy;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

Công ty chia cổ tức và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 12/NQ-ĐHCD ngày 10 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Chia cổ tức năm 2010 (15% vốn điều lệ)	:	10.500.000.000 VND
- Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính	:	953.030.942 VND
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	:	5.701.526.017 VND
- Tăng Quỹ Đầu tư phát triển từ số thuế TNDN được giảm năm 2010	:	3.556.916.249 VND
- Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi	:	1.906.061.884 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Anh	Chủ tịch	10 tháng 04 năm 2010
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2005
Ông Phạm Ngọc Anh	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2005
Ông Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên	26 tháng 12 năm 2005
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	22 tháng 04 năm 2009
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	26 tháng 12 năm 2005
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	22 tháng 04 năm 2009

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 04 năm 2010
Ông Phạm Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 11 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Kế toán trưởng	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Ngày 19 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Số: 85/2012/BCTC-KTTV-KT3

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		389.824.929.701	359.380.483.668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.284.015.967	36.196.879.083
1. Tiền	111		11.284.015.967	36.196.879.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.104.718.288	238.925.886.430
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	159.865.230.262	110.044.606.221
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	14.433.904.671	12.377.885.813
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	78.805.583.355	116.503.394.396
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		111.894.277.419	71.374.056.996
1. Hàng tồn kho	141	V.5	111.894.277.419	71.374.056.996
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.541.918.027	12.883.661.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.299.204.669	3.884.242.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	7.242.713.358	8.999.418.413

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.029.517.557	152.745.009.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.039.165.238	51.301.633.216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	51.380.665.238	33.702.831.060
<i>Nguyên giá</i>	222		103.717.080.315	77.717.039.916
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(52.336.415.077)	(44.014.208.856)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.620.000.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.120.000.000	500.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(500.000.000)	(500.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	38.500.000	17.598.802.156
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		99.407.300.000	92.627.300.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	82.840.800.000	72.940.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	22.932.500.000	22.932.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(6.366.000.000)	(3.246.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.583.052.319	8.816.076.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	8.583.052.319	8.816.076.364
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		551.854.447.258	512.125.493.248

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		428.858.978.129	386.811.261.386
I. Nợ ngắn hạn	310		418.801.723.486	365.865.000.567
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	212.706.875.040	237.700.899.568
2. Phải trả người bán	312	V.16	77.697.923.952	39.880.672.060
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	28.129.666.641	49.288.722.193
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	15.071.101.225	11.101.451.273
5. Phải trả người lao động	315		29.788.841.068	4.232.075.704
6. Chi phí phải trả	316	V.19	31.446.710.229	12.464.927.361
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	18.878.501.960	8.439.553.918
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.21	5.474.245.325	3.560.302.328
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	(392.141.954)	(803.603.838)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.057.254.643	20.946.260.819
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	8.821.895.740	19.824.259.334
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	1.235.358.903	1.122.001.485
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.995.469.129	125.314.231.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	122.995.469.129	125.314.231.862
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		27.976.043.226	18.717.600.959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.004.949.525	2.051.918.583
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.087.299.151	22.617.535.093
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		551.854.447.258	512.125.493.248

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		165,34		30,35	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

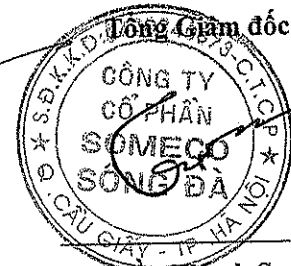
Lập ngày 19 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Mai Thị Na

Kế toán trưởng

Phạm Đức Trọng



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.623.211.812	26.174.451.342
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	8.322.206.221	8.997.450.033
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	3.120.000.000	1.848.582.518
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		318.490.733	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(26.452.482.429)	(10.424.367.057)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	55.607.771.923	28.131.067.124
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.539.198.260	54.727.183.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.609.997.931)	(81.850.077.756)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.520.220.423)	108.801.854.214
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		67.751.535.190	(90.682.741.379)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		233.024.045	1.238.725.731
- Tiền lãi vay đã trả	13		(55.607.771.923)	(28.131.067.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(2.473.295.603)	(2.340.034.852)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		839.581.796	141.157.546
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.986.772.591)	(3.160.267.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.165.280.820	(41.255.266.881)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.059.738.243)	(14.904.494.966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10	(9.900.000.000)	(32.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.390.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	25.877.982.429	256.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.918.244.186	(44.258.494.966)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	30.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	358.705.839.557	301.454.211.959
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(394.702.227.679)	(219.693.347.173)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.805.885.140)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(35.996.388.122)</u>	<u>108.954.979.646</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(24.912.863.116)	23.441.217.799
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60 V.1	36.196.879.083	12.755.661.284
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70 V.1	<u>11.284.015.967</u>	<u>36.196.879.083</u>

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Mai Thị Na

Mai Thị Na

Kế toán trưởng

Phạm Đức Trọng

Phạm Đức Trọng



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. **Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 664 nhân viên đang làm việc (số cuối năm trước là 706 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát} \\ \text{sinh trong kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Sản lượng dở dang} \\ \text{đầu kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng thực hiện} \\ \text{trong kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{được chủ} \\ \text{đầu tư chấp} \\ \text{nhận thanh} \\ \text{toán} \end{array}$$

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.675.529.202	5.304.000.772
Tiền gửi ngân hàng	7.608.486.765	30.892.878.311
Cộng	11.284.015.967	36.196.879.083

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng là các bên liên quan:	42.855.381.407	18.668.497.577
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	801.922.498	-
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	2.555.264.019	13.380.543.168
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		879.178.151
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		2.243.889.189
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên</i>	35.215.321.276	2.164.887.069
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</i>	4.282.873.614	
Các khách hàng khác	117.009.848.855	91.376.108.644
Cộng	159.865.230.262	110.044.606.221

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp là các bên liên quan:	12.335.863.516	7.328.015.013
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	5.208.036.555	3.689.450.626
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	5.213.484.435	1.903.084.435
<i>Công ty CP Someco Hòa Bình</i>	1.914.342.526	1.735.479.952
Các nhà cung cấp khác	2.098.041.155	5.049.870.800
Cộng	14.433.904.671	12.377.885.813

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên	355.458.717	82.997.419
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV	65.442.691	31.025.839
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên	36.335.000	4.518.100
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên	10.429.717	4.560.525
Công ty Cổ phần Chính xác Vinashin	-	70.691.470
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - mua cổ phiếu	1.232.000.000	1.040.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3 - tiền ứng hợp đồng tổng thầu	-	1.402.696.349
Phải thu khác các Công ty con:	77.088.586.583	113.852.192.710
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	17.123.576	447.170.997
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	7.738.399.350	4.689.607.077
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	69.312.266.002	108.699.994.655
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng 1 Someco</i>	16.797.655	9.232.655
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>	4.000.000	6.187.326
Các khoản phải thu khác	17.330.647	14.711.984
Cộng	<u>78.805.583.355</u>	<u>116.503.394.396</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.928.411.109	7.368.779.359
Công cụ, dụng cụ	740.769.924	552.707.964
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	108.225.096.386	63.452.569.673
Cộng	<u>111.894.277.419</u>	<u>71.374.056.996</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.312.138.567	8.721.434.417
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	930.574.791	277.983.996
Cộng	<u>7.242.713.358</u>	<u>8.999.418.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.959.985.000	52.548.484.251	22.134.971.981	1.073.598.684	77.717.039.916
Tăng do mua sắm mới	-	6.063.227.273	-	157.545.454	6.220.772.727
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	12.744.460.436	7.034.807.236	-	-	19.779.267.672
Giảm do thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	14.704.445.436	65.646.518.760	22.134.971.981	1.231.144.138	103.717.080.315
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.959.985.000	18.003.026.847	8.500.339.499	693.661.460	29.157.012.806
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.959.985.000	26.341.914.019	14.914.949.902	797.359.935	44.014.208.856
Tăng trong năm do khấu hao	351.226.012	5.854.198.545	2.019.353.015	97.428.649	8.322.206.221
Giảm do thanh					
Số cuối năm	2.311.211.012	32.196.112.564	16.934.302.917	894.788.584	52.336.415.077
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	26.206.570.232	7.220.022.079	276.238.749	33.702.831.060
Số cuối năm	12.393.234.424	33.450.406.196	5.200.669.064	336.355.554	51.380.665.238

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại tương ứng là 27.574.893.876 VND và 15.634.573.819 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Tăng do mua sắm mới	1.620.000.000	-	1.620.000.000
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	500.000.000	500.000.000
Tăng trong năm do khấu hao		-	-
Giảm do thanh			
Số cuối năm	-	500.000.000	500.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	1.620.000.000	-	1.620.000.000

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	71.600.000	655.805.364	617.305.364	71.600.000	38.500.000
XDCB dở dang	17.527.202.156	2.691.303.818	19.779.267.672	439.238.302	
<i>Xưởng cơ khí Đà Nẵng</i>	17.527.202.156	2.691.303.818	19.779.267.672	439.238.302	
Sửa chữa TSCĐ		74.940.000			
Cộng	17.598.802.156	3.422.049.182	20.471.513.036	510.838.302	38.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	3.204.080	32.040.800.000	2.904.080	29.040.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	3.315.000	33.150.000.000	2.625.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		82.840.800.000		72.940.800.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư 32.040.800.000 VND, tương đương 34% vốn điều lệ (số đầu năm là 29.040.800.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 20.599.200.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 9.900.000.000 VND. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu là 21.439.278.000 VND của các cổ đông còn lại không góp, như vậy số vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 53.839.278.000 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư 33.150.000.000 VND, tương đương 61% vốn điều lệ (số đầu năm là 26.250.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 20.689.278.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400351298 ngày 31 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.362.500.000		10.362.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000	7.362.000.000	120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000	3.000.500.000	100.000	3.000.500.000
Đầu tư dài hạn khác		12.570.000.000		12.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	619.950	6.199.500.000	619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	80.050	800.500.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Cộng		22.932.500.000		22.932.500.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất xây dựng Xưởng cơ khí Đà Nẵng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	8.816.076.364
Tăng trong năm	
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(233.024.045)
Kết chuyển giảm khác	
Số cuối năm	8.583.052.319

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc thuê nhà dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	153.433.430.377	159.725.951.390
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	129.118.594.213	113.236.697.453
- Ngân hàng TMCP An Bình	10.531.121.805	46.489.253.937
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	13.783.714.359	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	47.058.325.227	67.292.854.358
- Vay Tập đoàn Sông Đà	10.000.000.000	
- Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	36.448.325.227	67.292.854.358
- Bà Lê Thị Xuân	610.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	12.215.119.436	10.682.093.820
Cộng	<u>212.706.875.040</u>	<u>237.700.899.568</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>Vay các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	159.725.951.390	67.292.854.358	10.682.093.820	237.700.899.568
Số tiền vay phát sinh trong năm	272.363.487.964	82.652.351.593		355.015.839.557
Số kết chuyển			11.581.879.436	11.581.879.436
Số tiền vay đã trả trong năm	(278.656.008.977)	(102.886.880.724)	(10.048.853.820)	(391.591.743.521)
Số cuối năm	<u>153.433.430.377</u>	<u>47.058.325.227</u>	<u>12.215.119.436</u>	<u>212.706.875.040</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp là các bên liên quan:	21.960.809.118	7.334.470.625
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	2.348.749.308	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	101.478.063	28.949.008
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình	19.510.581.747	7.305.521.617
Các nhà cung cấp khác	55.737.114.834	32.546.201.435
Cộng	<u>77.697.923.952</u>	<u>39.880.672.060</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các bên liên quan:	1.761.493.870	8.610.784.588
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	1.563.712.725	2.597.038.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I	197.781.145	6.013.746.588
Các khách hàng khác	26.368.172.771	40.677.937.605
Cộng	<u>28.129.666.641</u>	<u>49.288.722.193</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.354.810.230	6.407.773.775	1.842.275.215	8.920.308.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.030.211.852	1.535.912.661	2.473.295.603	5.092.828.910
Thuế thu nhập cá nhân	716.429.191	579.901.535	238.367.201	1.057.963.525
Các loại thuế khác		159.913.672	159.913.672	
Cộng	11.101.451.273	8.683.501.643	4.713.851.691	15.071.101.225

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006, 2007 và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.623.211.812	26.174.451.342
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	439.434.081	2.280.878.647
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	1.073.934.081	2.536.878.647
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(634.500.000)	(256.000.000)
Thu nhập chịu thuế	12.062.645.893	28.455.329.989
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.015.661.474	7.113.832.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.479.748.813)	(3.556.916.248)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.535.912.661	3.556.916.249

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay được xác định như sau:

	Hoạt động SXXD	Thu nhập khác	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.472.490.502	(849.278.690)	11.623.211.812
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(634.500.000)	1.073.934.081	439.434.081
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.073.934.081	1.073.934.081
- Các khoản điều chỉnh giảm	(634.500.000)		(634.500.000)
Thu nhập chịu thuế	11.837.990.502	224.655.391	12.062.645.893
Thu nhập được miễn thuế			
Lỗ các năm trước được chuyển			
Thu nhập tính thuế	11.837.990.502	224.655.391	12.062.645.893
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.959.497.626	56.163.848	3.015.661.474
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.479.748.813)	-	(1.479.748.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.479.748.813	56.163.848	1.535.912.661
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước			
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.479.748.813	56.163.848	1.535.912.661

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

Các chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	2.929.266.674	2.929.266.674
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	1.741.455.801	1.741.455.801
Chủ máy Phạm Thị Vóc		220.521.166
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	1.395.950.663	1.395.950.663
Công ty Cổ phần Narime	41.875.618	4.187.567.945
Chi phí Ban điều hành, phí B chính	1.243.418.739	1.236.082.238
Công ty TNHH CAM Hoàng Long	1.138.007.887	182.912.618
Phí ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến		320.137.055
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi		
Chi phí xây dựng lán trại Thủy điện Nậm Chiến	394.216.972	
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	194.397.590	
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	16.921.217.828	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	2.823.050.406	
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.337.788.701	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí mua vật tư thi công	248.370.000	
Chi phí thuê máy thi công	525.636.363	
Các nhà thầu phụ khác	512.056.987	251.033.201
Cộng	31.446.710.229	12.464.927.361
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.281.405.631	737.617.975
Bảo hiểm xã hội	2.153.347.277	1.183.641.239
Bảo hiểm y tế	359.376.506	150.099.830
Bảo hiểm thất nghiệp	162.095.516	133.924.228
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.517.450.460	17.450.460
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà	545.082.888	2.991.067.463
Quỹ tự nguyện Someco Sông Đà	204.684.499	507.246.952
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	208.948.127	179.300.399
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	300.000.000	
Tiền phạt thuế	654.498.734	
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu:	2.292.800.000	2.292.800.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên (trong đó số chưa mua cổ phiếu là 342.300.000 VND)</i>	<i>1.142.800.000</i>	<i>1.142.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	198.812.322	246.405.372
Cộng	18.878.501.960	8.439.553.918
21. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	3.249.056.370	1.335.113.373
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	5.474.245.325	3.560.302.328

Bảo hành

Dự phòng cho bảo hành chủ yếu liên quan đến xây lắp công trình Thủy điện Nậm Chiến.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(264.518.534)	953.030.942	1.478.600.000	(791.950.475)
Quỹ phúc lợi	(539.085.304)	953.030.942	16.000.000	399.808.521
Cộng	(803.603.838)	1.906.061.884	1.494.600.000	(392.141.954)

23. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	6.746.270.740	13.915.830.740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô		31.705.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa		5.876.723.594
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	2.075.625.000	
Cộng	8.821.895.740	19.824.259.334

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	8.821.895.740	19.824.259.334
Trên 5 năm		
Tổng nợ	8.821.895.740	19.824.259.334

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	19.824.259.334
Số tiền vay phát sinh	3.690.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.110.484.158)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(11.581.879.436)
Số cuối năm	8.821.895.740

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.122.001.485
Số trích lập bổ sung	136.185.618
Số đã chi	(22.828.200)
Số cuối năm	1.235.358.903

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	12.027.182.727	10.816.198.307	1.163.600.780	13.366.356.061	77.373.337.875
Cổ đông góp vốn	30.000.000.000					30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước					22.617.535.093	22.617.535.093
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			5.428.107.050	888.317.803	(8.093.060.459)	(1.776.635.606)
Tăng Quỹ đầu tư phát triển từ số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 được giảm			2.473.295.602		(2.473.295.602)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước					(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Giảm thặng dư vốn do chi phí phát hành cổ phiếu		(100.005.500)				(100.005.500)
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	22.617.535.093	125.314.231.862
Cổ đông góp vốn	70.000.000.000	11.927.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	22.617.535.093	125.314.231.862
Lợi nhuận trong năm nay					10.087.299.151	10.087.299.151
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay			5.701.526.018	953.030.942	(8.560.618.844)	(1.906.061.884)
Tăng Quỹ đầu tư phát triển từ số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 được giảm			3.556.916.249		(3.556.916.249)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước					(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	27.976.043.226	3.004.949.525	10.087.299.151	122.995.469.129

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.927.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	396.943.020.852	373.475.720.790
- Doanh thu bán hàng hóa	4.947.807.155	13.990.083.766
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	5.887.449.273	7.062.556.848
- Doanh thu hoạt động xây lắp	386.107.764.424	352.423.080.176
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.106.044.440	
- Giảm giá hàng bán	1.106.044.440	
Doanh thu thuần	395.836.976.412	373.475.720.790
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	4.947.807.155	13.990.083.766
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	5.887.449.273	7.062.556.848
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	385.001.719.984	352.423.080.176

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.558.092.193	13.989.015.995
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	150.245.781	4.261.957.310
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	322.170.376.752	282.716.043.708
Cộng	<u>328.878.714.726</u>	<u>300.967.017.013</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	335.190.472	736.958.677
Lãi tiền cho vay các Công ty con	25.799.775.765	4.805.730.697
Lãi đầu tư cổ phiếu		1.385.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	634.500.000	256.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		149.192.212
Lãi bán hàng trả chậm		2.378.166.168
Cộng	<u>26.769.466.237</u>	<u>9.711.047.754</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	55.607.771.923	28.131.067.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		120.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	318.490.733	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.120.000.000	1.944.000.000
Phí kinh doanh chứng khoán		6.464.000
Cộng	<u>59.046.262.656</u>	<u>30.081.652.012</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.289.032.392	16.259.251.479
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	982.038.607	1.257.557.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.737.265	845.635.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	744.455.779	981.227.172
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	295.485.210
Chi phí dự phòng	70.218.996	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.890.674.770	3.793.584.250
Chi phí bằng tiền khác	3.978.816.956	6.248.827.038
Cộng	<u>22.208.974.765</u>	<u>29.681.568.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc bán hồ sơ thầu		13.636.365
Cho thuê máy	218.181.883	
Định giá lại TSCĐ khi cổ phần hoá Công ty con		3.977.636.360
Các khoản khác		38.337.160
Cộng	<u>218.181.883</u>	<u>4.029.609.885</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	8.526.492	36.666.969
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.055.219.446	9.073.733
Chi phí khác	3.714.635	5.328.601
Cộng	<u>1.067.460.573</u>	<u>51.069.303</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.3 đến VII.5 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.318.352.151	1.335.232.689
Tiền thưởng		8.400.000
Thù lao	408.000.000	476.000.000
Cộng	<u>1.726.352.151</u>	<u>1.819.632.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Phát triển Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phụ phí thầu chính phải trả Tập đoàn		2.942.538.448
Giá trị công trình thực hiện cho Tập đoàn	1.977.953.958	
Lãi vay phải trả Tập đoàn		197.931.966
Bù trừ công nợ	1.176.031.460	4.943.566.388
Phí đào tạo, tiền in lịch		4.312.000
Cổ tức năm 2009 phải trả		1.428.000.000
Cổ tức năm 2010 phải trả	5.355.000.000	
Tập đoàn ứng tiền công trình	20.552.244.460	
Vay vốn lưu động của Tập đoàn	10.000.000.000	
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả tập đoàn	537.777.778	
Thanh toán công nợ cho Tập đoàn	3.000.990.415	
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1		
Giá trị công trình xây lắp Someco đã cung cấp	7.596.170.405	22.554.589.364
Bù trừ công nợ	6.124.971.888	
Dịch vụ tư vấn thiết kế cung cấp cho Công ty con	-	728.301.515
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty con	-	11.000.000.000
Mua lại phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại Công ty con	-	1.460.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang		
Giá trị công trình xây lắp Someco đã cung cấp	2.201.947.952	1.215.820.945
Bù trừ công nợ	2.686.318.300	
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty con	-	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	5.087.156.459	710.966.435
Nhuộm bán vật tư thiết bị cho Công ty con	5.762.860.184	1.785.163.828
Công ty con thanh toán tiền vật tư, thiết bị	5.762.860.184	
Công ty con vay vốn lưu động, tạm ứng vốn thi công	188.480.684.146	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ	22.744.183.669	4.024.713.179
Phải thu khác		
Giá trị công trình xây lắp Công ty con cung cấp	149.215.740.741	26.381.431.517
Thanh toán khối lượng do Công ty con thực hiện	58.374.096.983	
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	2.533.446.800	
Giá trị công trình xây lắp Someco đã cung cấp	16.437.832.631	
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		300.000.000
Chuyển TSCĐ và nợ thành vốn góp vào Công ty con		7.350.000.000
Bàn giao tài sản và công nợ cho Công ty con		152.883.574.360
Các khoản chi hộ Công ty con	1.172.839.671	
Bù trừ công nợ	24.344.255.247	
Cổ tức phải thu của Công ty con	382.500.000	
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	165.191.051	211.088.557
Công ty con vay vốn lưu động, tạm ứng vốn thi công	6.206.900.360	
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ	1.206.293.320	674.513.477
Phải thu khác		
Công ty con cung cấp dịch vụ thiết kế	1.926.914.290	1.778.745.439
Thanh toán tiền khối lượng cho Công ty con	1.687.023.424	
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	1.331.176.450	
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		1.200.000.000
Chuyển TSCĐ và nợ thành vốn góp vào Công ty con		3.800.000.000
Bàn giao tài sản và công nợ cho Công ty con		9.682.617.259
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	841.363.325	298.554.647
Nhượng bán vật tư thiết bị cho Công ty con		12.077.246.640
Công ty con vay vốn lưu động, tạm ứng vốn thi công	17.469.202.774	
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ	1.849.298.776	106.504.041
Phải thu khác		
Giá trị công trình xây lắp Công ty con thực hiện	19.952.258.946	
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	3.310.400.000	3.689.450.626
Góp vốn thành lập Công ty con		5.000.000.000
Thanh toán hộ chi phí cho Công ty con		107.828.708
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp	34.505.976.536	17.733.447.469
Số tiền đã thanh toán cho Someco trong năm	1.455.542.329	2.123.764.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc		
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp	4.282.873.614	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà		
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp	7.262.683.430	
Công ty nhận tiền ứng khối lượng công trình	400.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	801.922.498	
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp		2.243.889.189
Phải thu khác	16.797.655	9.232.655
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp		879.178.151
Phải thu khác	4.000.000	6.187.326
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	1.914.342.526	1.735.479.952
Phải thu khác	69.312.266.002	108.699.994.655
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco		
Phải thu tiền bán vật tư, thiết bị	2.555.264.019	13.380.543.168
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	5.208.036.555	3.689.450.626
Phải thu khác	17.123.576	447.170.997
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco		
Ứng trước tiền thiết kế công trình xây lắp	5.213.484.435	1.903.084.435
Phải thu khác	7.738.399.350	4.689.607.077
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	35.215.321.276	2.164.887.069
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	4.282.873.614	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	18.043.015.365	28.666.207.125
Cộng nợ phải thu	<u><u>150.322.846.871</u></u>	<u><u>139.848.705.300</u></u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phải trả Tập đoàn tiền vay ngắn hạn	10.000.000.000	
Cổ tức phải trả	5.355.000.000	
Các khoản phải trả khác	545.082.888	2.991.067.463
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	197.781.145	6.013.746.588
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	1.563.712.725	2.597.038.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>		
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	19.510.581.747	7.305.521.617
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	2.348.749.308	
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	101.478.063	28.949.008
Cộng nợ phải trả	<u>29.622.385.876</u>	<u>18.936.322.676</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường hoặc giá vốn. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	1.057.542.918	680.112.770
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung		
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	<u>1.057.542.918</u>	<u>680.112.770</u>
Tỷ lệ vốn hóa	1,90%	2,42%

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	385.001.719.984	10.835.256.428		395.836.976.412
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	18.201.178.852	44.928.968.264	(63.130.147.116)	-
Tổng doanh thu thuần	403.202.898.836	55.764.224.692	55.764.224.692	395.836.976.412
Chi phí bộ phận	362.580.530.369	51.637.306.238	(63.130.147.116)	351.087.689.491
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.622.368.467	4.126.918.454	-	44.749.286.921
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				44.749.286.921
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				26.769.466.237
Doanh thu hoạt động tài chính				(59.046.262.656)
Chi phí tài chính				218.181.883
Thu nhập khác				(1.067.460.573)
Chi phí khác				(1.535.912.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				10.087.299.151
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.262.821.909			11.262.821.909
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.555.230.266			8.555.230.266
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

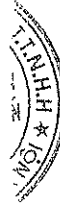
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	352.423.080.176	21.052.640.614	-	373.475.720.790
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	15.739.687.238	54.104.796.988	(69.844.484.226)	-
Tổng doanh thu thuần	368.162.767.414	75.157.437.602	(69.844.484.226)	373.475.720.790
Chi phí bộ phận	327.402.583.770	73.090.485.839	(69.844.484.226)	330.648.585.383
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.760.183.644	2.066.951.763	-	42.827.135.407
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				42.827.135.407
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.711.047.754
Doanh thu hoạt động tài chính				(30.081.652.012)
Chi phí tài chính				4.029.609.885
Thu nhập khác				(311.689.692)
Chi phí khác				(3.556.916.249)
				22.617.535.093
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.877.018.454	156.221.000		19.033.239.454
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.068.283.495	108.925.528		10.177.209.023
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	2.225.188.955			2.225.188.955



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	587.314.235.261	2.555.264.019	(137.422.352.022)	452.447.147.258
Tài sản phân bổ cho bộ phận				99.407.300.000
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>551.854.447.258</u>
Tổng tài sản	566.281.330.151		(137.422.352.022)	428.858.978.129
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	<u>566.281.330.151</u>		<u>(137.422.352.022)</u>	<u>428.858.978.129</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	538.862.108.703	13.380.543.168	(132.744.458.623)	419.498.193.248
Tài sản phân bổ cho bộ phận				92.627.300.000
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>512.125.493.248</u>
Tổng tài sản	519.555.720.009	-	(132.744.458.623)	386.811.261.386
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				<u>386.811.261.386</u>

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.284.015.967	36.196.879.083	11.284.015.967	36.196.879.083
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	16.566.500.000	19.686.500.000	16.566.500.000	19.686.500.000
Phải thu khách hàng	159.865.230.262	110.044.606.221	159.865.230.262	110.044.606.221
Các khoản phải thu khác	87.048.296.713	125.502.812.809	87.048.296.713	125.502.812.809
Cộng	274.764.042.942	291.430.798.113	274.764.042.942	291.430.798.113
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	77.697.923.952	39.880.672.060	77.697.923.952	39.880.672.060
Vay và nợ	221.528.770.780	257.525.158.902	221.528.770.780	257.525.158.902
Các khoản phải trả khác	86.823.657.485	29.818.860.796	86.823.657.485	29.818.860.796
Cộng	386.050.352.217	327.224.691.758	386.050.352.217	327.224.691.758

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Để ước tính giá trị hợp lý, Công ty giả định giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Mặt khác, các khoản vay của Công ty đều vay từ Công ty mẹ nên có khả năng thay đổi thời hạn trả nợ phù hợp với khả năng thanh toán của Công ty.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	77.697.923.952			77.697.923.952
Vay và nợ	212.706.875.040	8.821.895.740		221.528.770.780
Các khoản phải trả khác	86.823.657.485			86.823.657.485
Cộng	377.228.456.477	8.821.895.740		386.050.352.217
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	39.880.672.060			39.880.672.060
Vay và nợ	237.700.899.568	19.824.259.334		257.525.158.902
Các khoản phải trả khác	29.818.860.796			29.818.860.796
Cộng	307.400.432.424	19.824.259.334		327.224.691.758

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND, các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân khác.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản đi vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế
Năm nay	+ 2%	(3.322.931.562)
	- 2%	3.322.931.562
Năm trước	+ 2%	(3.862.877.384)
	- 2%	3.862.877.384

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Phạm Đức Trọng

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2012



Trần Thanh Sơn

